

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HN&GD-ST

Ngày: 20/6/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Sơn.
2. Bà Võ Thị Ngọc Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Phiên tòa không có Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 144/2022/TLST-HN&GD, ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXXST-HN&GD, ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà ĐKL, sinh năm: 1993, CMND số: A;

Nơi cư trú: Số X, LĐH, TL, BMT, ĐL

2. Bị đơn: Ông LQNB, sinh năm: 1993, CCCD số: B;

Nơi cư trú: Số X1, LĐC, khu phố D, thị trấn VX, huyện ĐL1, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” lập ngày 04/4/2020, cùng các bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì việc trình bày của bà ĐKL thể hiện:

Về hôn nhân: Bà và ông LQNB tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đi đến kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VX, huyện ĐL1, tỉnh BT, sổ giấy chứng nhận kết hôn: 157/KH, đăng ký ngày 07/11/2014. Sau quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nhiều bất đồng không thể hòa giải. Dần về sau, mâu thuẫn càng lớn, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và ông B đã ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2021 đến nay. Bà xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng đối với ông B nữa. Nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 20/4/2022, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 25/4/2022, bị đơn ông LQNB cũng đã trình bày cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ông với bà L không có hạnh phúc, ông chấp nhận giải quyết ly hôn theo yêu cầu của bà L. Về con chung, tài sản chung và nợ chung ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời ông cũng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do vụ án không thuộc trường hợp Tòa án phải thực hiện các thủ tục tố tụng để tiến hành thu thập chứng cứ, cũng không có đối tượng tranh chấp thuộc các trường hợp quy định ở khoản 2, Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cho nên phiên tòa không có sự tham gia của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL1, tỉnh BT.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 01/4/2022, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện ĐL1, tỉnh BT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện ĐL1 theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng, cả nguyên đơn cũng như bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[4] Về hôn nhân: Bà ĐKL và ông LQNB có thời gian tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2016, tại UBND thị trấn VX. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên sau ngày cưới, ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nhiều bất đồng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên dẫn đến vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay, trong thời gian đó bà L, ông B không ai quan tâm đến ai, ai cũng có cuộc sống riêng của mình. Trong quá trình tố tụng, cả hai ông bà đều yêu cầu không tổ chức hòa giải, đồng ý giải quyết ly hôn theo yêu cầu. Hiện bà L đã xác định không còn tình cảm yêu thương gì với ông B nữa, bà nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông B. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà L với ông B đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của bà L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Cả bà L và ông B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Cả bà L và ông B không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà ĐKL là người phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa bà ĐKL và ông LQNB là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của bà L thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả lệ do Tòa án nhân dân Tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử.

- Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà ĐKL.

1. Về hôn nhân: Bà ĐKL ly hôn ông LQNB.

2. Về án phí: Bà ĐKL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà L đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009287, ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL1. Bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú. (đã giải thích).

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND thị trấn Võ Xu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức

Xong- xem lại điều luật

